

Bản án số: 69/2019/DS-ST

Ngày: 14-11-2019

*V/v tranh chấp: “Quyền
về lối đi qua”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hồ;
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 163/2019/TLST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “*Quyền về lối đi qua*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trương Nghi X**, sinh năm 1986

Nguyễn Trần Phan Đ, sinh năm 1976

Nơi cư trú: 129/9 đường Nguyễn Văn Nghi, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Thạch Văn Th, sinh năm 1961

Trương Thị Ph, sinh năm 1965

Nơi cư trú: 179D, khu phố 4, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người Đ diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Bà **Phan Thị Hồng H**, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: 351F, khu phố 2, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn: **Thạch Văn Nh**, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: 182D, khu phố 4, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Thạch Hoàng M, sinh năm 1987 (có mặt)

Lê Thị N, sinh năm 1969 (có mặt)

Thạch Ngọc A, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 182D, khu phố 4, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Thạch Văn P, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Phan Thị Mộng T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Thạch Văn T1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Thạch Thị Hồng T2, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 182D2, khu phố 4, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà Ngọc A, ông P, bà Mộng T, chị Hồng Th2, anh T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2019 của các nguyên đơn, bản tự khai ngày 12/9/2019 cũng như tại phiên Tòa người Đ diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là bà Phan Thị Hồng H trình bày:*

Sau khi cha mẹ ông Thạch Văn Th, Thạch Văn Nh chết thì anh em trong gia đình có thỏa thuận phân chia phần đất của cha mẹ để lại, cụ thể ông Th được nhận phần đất phía trong thuộc thửa 249 (14), ông Thạch Văn Nh được nhận phần phía ngoài thuộc thửa 306 (14), ông Nh có để cho ông Th 1 lối đi chiều ngang khoảng 2m, chiều dài khoảng 5m tính từ nhà ông Th ra lối đi chung để ra đường đi công cộng, ông Th và ông Nh đều đã xây dựng nhà ở và sử dụng đất từ năm 2009, cả hai đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở.

Năm 2017 vợ chồng ông Th, bà Ph làm ăn thất bại nên đã chuyển nhượng phần đất thửa 249 (14) cho con riêng của bà Ph là chị Trương Nghi X và chồng là anh Nguyễn Trần Phan Đ, hiện tại phần đất này do chị X và anh Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), do không có nhà ở nên ông Th và bà Ph vẫn được tiếp tục ở trên căn nhà đã bán cho chị X, anh Đ.

Năm 2019 ông Nh lấy có đất này là của dòng họ Thạch nên không cho chị X, anh Đ sử dụng lối đi cũ trước đây và tiến hành làm hàng rào lưới B40, chỉ chừa lại cho ông Th, bà Ph, chị X và anh Đ lối đi có chiều ngang phía trong là 0,92m, phía ngoài là 1,29m, chị X, anh Đ đã thỏa thuận để yêu cầu gia đình ông Nh bán lại phần lối đi theo lối đi cũ nhưng gia đình ông Nh không đồng ý.

Tại đơn khởi kiện các nguyên đơn yêu cầu hộ ông Nh mở lối đi có diện tích là 10,34m² thuộc một phần thửa 306 (14), tuy nhiên theo kết quả đo đạc ngày 17/10/2019 thì lối đi cũ mà các nguyên đơn yêu cầu mở có diện tích là 7,6m² trong đó có 4,7m² thuộc thửa 306 (14) là do ông Nh đứng tên trong GCNQSDĐ, phần còn lại có diện tích 2,9m² thuộc thửa 250 (14) là do ông Thạch Văn P đứng tên trong GCNQSDĐ, do đó

các nguyên đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu hộ ông Nh và hộ ông P mở lối đi theo kết quả đo đạc ngày 17/10/2019 có chiều ngang là phía trong là 1,5m, phía ngoài là 1,96m, tổng diện tích là 7,6m² tại thửa 306 (14) và thửa 250 (14) do ông Nh và ông P đứng tên trong GCNQSDĐ và tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ bê tông, các nguyên đơn bồi hoàn giá trị đất và hàng rào lại cho ông Nh.

Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 12/9/2019, biên bản xác minh ngày 24/10/2019 và những lời trình bày tiếp theo tại phiên Tòa, bị đơn ông Thạch Văn Nh trình bày:*

Theo hồ sơ đo đạc và yêu cầu mở lối đi của các nguyên đơn thì phần lối đi mà hộ ông Th yêu cầu mở có tổng diện tích là 7,6m² trong đó có diện tích 4,7m² thuộc 1 phần thửa 306 (14) do ông đứng tên trong GCNQSDĐ và diện tích 2,9m² thuộc 1 phần thửa 250 (14) do ông Thạch Văn P đứng tên trong GCNQSDĐ. Theo ý kiến của những người trong gia đình ông P là đã cho ông diện tích 2,9m² thuộc 1 phần thửa 250 (14), ông đồng ý cho các nguyên đơn đi trên phần đất có diện tích 2,9m² thuộc 1 phần thửa 250 (14) này và cho các nguyên đơn đi trên phần lối đi có diện tích 1,8m² thuộc 1 phần thửa 306 (14) của ông, tổng diện tích ông cho gia đình nguyên đơn đi là 4,7m², phần diện tích còn lại là 2,9m² thuộc 1 phần thửa 306 (14) được ký hiệu là thửa 306b ông không đồng ý cho đi vì nếu lối đi theo yêu cầu của các thì lối đi sẽ sát nền mộ của dòng họ sẽ làm ảnh hưởng đến các ngôi mộ này. Ông cho các nguyên đơn đi trên phần đất có diện tích 4,7m² không yêu cầu các nguyên đơn bồi thường giá trị và cho đi vĩnh viễn.

** Tại bản tự khai ngày 12/9/2019 cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thạch Hoàng M trình bày:*

Theo ý kiến của cha anh là ông Nh anh đồng ý, gia đình anh đã mở lối đi cho các nguyên đơn đi nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là mở rộng lối đi thêm 2,9m² tại thửa 306 (14) của cha anh đứng tên GCNQSDĐ.

** Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày:*

Bà đồng ý với ý kiến của ông Nh và anh M, không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của các nguyên đơn.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2019, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 29/10/2019 ông Thạch Văn P trình bày:*

Trong phần đất gia đình ông Th yêu cầu ông Nh mở lối đi có diện tích 7,6m² trong đó có diện tích 2,9m² thuộc thửa 250 (14) do ông đứng tên trong GCNQSDĐ, nguồn gốc đất là thừa kế của cha mẹ, ông đã xây dựng nhà ở và làm hàng rào đối với phần đất này, khi xây hàng rào ông có chừa 1 phần diện tích đất là 2,9m² để gia đình ông Th đi, phần đất này ông đã cho ông Nh, chưa làm thủ tục sang tên sổ đỏ, nếu ông Nh cho gia đình ông Th đi trên phần đất này ông cũng đồng ý và không tranh chấp khiếu nại gì, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2019 bà Phan Thị Mộng T (vợ của ông P), chị Thạch Thị Hồng T2 (con của ông P) trình bày:*

Thửa đất 250 (14) là phần đất của gia đình ông Phấn do ông P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng, theo yêu cầu mở lối đi của hộ ông Th có diện tích 2,9m² thuộc 1 phần thửa 250 (14) gia đình bà đã cho ông Nh quản lý, sử dụng, việc tranh chấp lối đi giữa hộ ông Th và ông Nh mẹ con bà không có ý kiến hay tranh chấp gì, do ông Nh quyết định đối với diện tích này.

** Anh Thạch Văn T là con của ông Thạch Văn P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 29/10/2019 nên không có ý kiến gì về lối đi này.*

** Bà Thạch Ngọc A là em của ông Nh ở chung nhà với ông Nh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 14/11/2019 nên không có ý kiến gì về lối đi này.*

** Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phát ý kiến giải quyết như sau:*

- Về mặt hình thức: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng theo quy định của Tổ tụng dân sự năm 2015, những người tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng do pháp luật quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 254 Bộ luật dân sự 2005;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, anh Đ, ông Th, bà Ph về việc yêu cầu ông Nh mở lối đi có diện tích 7,6m², vị trí lối đi thuộc 1 phần thửa 250, 306 (14) tại phường 7, thành phố Bến Tre do ông Thạch Văn Nh và Thạch Văn Ph đứng tên GCNQSDĐ.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin rút đối với phần lối đi có diện tích 2,74m².

Ghi nhận ông Nh và ông Ph đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn có diện tích 4,7m² thuộc thửa 250a, 306b do ông Ph và ông Nh đứng tên quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trương Nghi X, ông Nguyễn Trần Phan Đ, ông Thạch Văn Th, bà Trương Thị Ph yêu cầu hộ ông Thạch Văn Nh, ông Thạch Văn P mở lối đi trên phần đất của ông Nh, ông P đang quản lý sử dụng tại phường 7, thành phố Bến Tre nên Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa các nguyên đơn và ông Nh, ông P là tranh chấp “Quyền về lối đi qua” quy định tại điều 254 Bộ luật dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Lối đi mà hộ ông Th yêu cầu mở có 1 phần diện tích đất do ông Thạch Văn Nh đứng tên trong giấy CNQSDĐ thuộc thửa 306 (14) và 1 phần do ông Thạch Văn P đứng tên trong giấy CNQSDĐ thuộc thửa 250 (14), do đó Hội đồng xét xử đưa ông

Thạch Văn P cùng những người trong hộ của ông P là bà Phan Thị Mộng T, Thạch Thị Hồng T2, anh Thạch Văn T1 và những người trong hộ của ông Nh là anh Thạch Hoàng M, bà Thạch Ngọc A, bà Lê Thị N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Ông Thạch Văn P, bà Phan Thị Mộng T, chị Thạch Thị Hồng T2, anh Thạch Văn T1, bà Thạch Ngọc A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt các ông bà có tên trên là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đều đã nhận được hồ sơ do đặc ngày 17/10/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bến Tre cung cấp và đồng ý với hồ sơ do đặc, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào hồ sơ do đặc này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Năm 2009 ông Thạch Văn Th cùng anh em trong gia đình phân chia di sản do cha mẹ để lại, theo sự thỏa thuận phân chia thì ông Th được chia phần đất phía trong thuộc thửa 249 (14) diện tích là $413,8m^2$, ông Thạch Văn Nh được phân chia phần đất phía ngoài thuộc thửa 36 (14) diện tích $984,6m^2$, sau các lần đo đạc tách thửa thì ông Nh còn lại diện tích đất là $379,5m^2$ thuộc thửa 306 (14), năm 2010 thì các anh em của ông Th đều được cấp GCNQSDĐ. Năm 2017 ông Th chuyển nhượng phần nhà, đất tại thửa 249 (14) cho con gái riêng của vợ ông là chị Trương Nghi X phần nhà, đất này, vợ chồng ông vẫn Th vẫn tiếp tục ở trên nhà, đất đã chuyển nhượng cho chị X. Vào ngày 02/8/2019 gia đình ông Nh đã tiến hành lấy lưới B40, trụ bê tông rào lại 1 phần lối đi mà trước đây gia đình ông Nh đã cho ông Th đi, phần lối đi cũ có diện tích $7,6m^2$, gia đình ông Nh chỉ cho các nguyên đơn đi trên phần đất có diện tích là $4,7m^2$, phần đất có diện tích là $2,9m^2$ thuộc thửa 306b (14) hộ ông Nh rào lại không cho các nguyên đơn đi.

Theo yêu cầu của các nguyên đơn và hồ sơ do đặc ngày 17/10/2019 thì lối đi mà các nguyên đơn yêu cầu mở có diện tích là $7,6m^2$ tại vị trí các điểm 1, 2, 3, 4, 9, 5, 6, 7, 1, gồm các thửa 250a (14) diện tích $2,9m^2$, thửa 306a (14) có diện tích $1,8m^2$, thửa 306b (14) có diện tích $2,9m^2$, trong đó thửa 250a (14) là do ông Thạch Văn P đứng tên trong giấy CNQSDĐ, thửa 306a, 306b (14) do ông Thạch Văn Nh đứng tên trong giấy CNQSDĐ. Gia đình ông Nh không đồng ý mở rộng lối đi cho các nguyên đơn theo yêu cầu nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại đơn khởi kiện trước đây các nguyên đơn yêu cầu hộ ông Nh mở lối đi có diện tích là $10,34m^2$, nay các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu hộ ông Nh, hộ ông P mở lối đi có theo vị trí các điểm 1, 2, 3, 4, 9, 5, 6, 7, 1, gồm các thửa 250a (14), thửa 306a (14), thửa 306b (14) với tổng diện tích là $7,6m^2$ và yêu cầu hộ ông Nh tháo dỡ hàng rào lưới B40, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc mở lối đi có diện tích $2,74m^2$.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2019 thì các nguyên đơn có căn nhà xây dựng trên thửa đất 249 (14), các nguyên đơn muốn ra đường đi công cộng thì phải đi ngang qua phần đất thuộc thửa 250 (14) của ông P và phần đất thuộc thửa 306 (14) của ông Nh đang đứng tên trong giấy CNQSDĐ, ngoài lối đi trên phần đất tại thửa 250, 306 (14) thì các nguyên đơn không còn lối đi nào khác để ra đường đi chung,

lối đi cũ có diện tích $7,6m^2$, trên lối đi này hiện nay có 1 hàng rào lưới B40, trụ bê tông do ông Nh tiến hành rào.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay hộ ông Nh, ông P khẳng định vẫn đồng ý cho các nguyên đơn đi trên lối đi có diện tích $4,7m^2$ tại thửa 250a (14) và 306a (14), hộ ông Nh không đồng ý mở rộng lối đi cho các nguyên đơn là $2,9m^2$ tại thửa 306 (b).

Tại phiên tòa người Đ diện hợp pháp của các nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của hộ ông Nh và ý kiến của gia đình ông P về việc cho các nguyên đơn đi trên lối đi có diện tích $4,7m^2$ tại thửa 250a (14) và 306a (14), yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc mở rộng lối đi có diện tích là $2,9m^2$ tại thửa 306b (14), tổng cộng diện tích các nguyên đơn yêu cầu là $7,6m^2$.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình lối đi hợp lý trên phần đất của họ.*”

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi...”

Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 13/11/2019 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thì thửa đất 249 (14) do chị X đứng tên giấy CNQSDĐ bị vây bọc bởi các thửa đất 255, 216, 217, 259, 293, 313, 314, 250, 306 (14). Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự thì các nguyên đơn có quyền yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, lối đi này đã hiện hữu tại phần đất của ông Nh, ông vì vậy ông Nh, ông P phải có nghĩa vụ mở lối đi cho các nguyên đơn.

Tuy nhiên, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều trình bày thống nhất là hộ ông Nh và hộ ông P hiện nay vẫn mở lối đi cho các nguyên đơn ra đường công cộng, chiều ngang phía ngoài là 1,29m, chiều ngang phía trong là 0,92m, tổng diện tích là $4,7m^2$, các nguyên đơn vẫn đang đi trên lối đi này, theo các bên trình bày thì lối đi này vẫn đủ để cho các nguyên đơn lưu thông bằng xe máy vào nhà, như vậy các nguyên đơn vẫn có lối đi và lối đi này có diện tích là $4,7m^2$ là vẫn đủ để ra được đường đi công cộng, do đó yêu cầu mở rộng lối đi của các nguyên đơn có diện tích $7,6m^2$ (chiều ngang phía ngoài 1,96m, phía trong là 1,5m) là không có căn cứ.

Bên cạnh đó, theo yêu cầu mở lối đi của hộ ông Th thì phần diện tích yêu cầu mở rộng thêm là $2,9m^2$ tại vị trí 4, 9, 5, 6, 8, 4 thuộc thửa 306b (14) thì phía ngoài giáp với khu mộ là 2,47m, phía trong giáp khu mộ là 1,39m là quá gần với khu mộ của dòng họ Thạch vì vậy việc lưu thông quá gần khu mộ này cũng ít nhiều cũng gây ảnh hưởng đến các ngôi mộ này.

Tại biên bản lấy lời khai ông P và vợ con ông P đồng ý cho ông Nh phần đất có diện tích 2,9m² tại thửa 250a (14), tuy nhiên việc cho quyền sử dụng đất này hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản và ông Nh cũng chưa được cấp GCNQSDĐ đối với phần đất này nên phần đất này vẫn thuộc quyền sở hữu của ông Phần. Tuy nhiên, ông P trình bày nếu ông Nh sử dụng phần đất này để cho các nguyên đơn đi thì ông cũng đồng ý và không có ý kiến tranh chấp hay yêu cầu bồi thường gì, tại phiên tòa hôm nay ông Nh cũng đồng ý cho các nguyên đơn đi trên phần đất có diện tích 4,7m² trong đó có diện tích 2,9m² thuộc thửa 250a (14) và diện tích 1,8m² thuộc thửa 306a (14) cho các nguyên đơn đi mà không yêu cầu bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của hộ ông P và hộ ông Nh về việc tiếp tục cho các nguyên đơn đi trên lối đi có diện tích 4,7m² trong đó có diện tích 2,9m² thuộc thửa 250a (14) và diện tích 1,8m² thuộc thửa 306a (14) tại các điểm 1, 2, 3, 4, 8, 6, 7, 1, ghi nhận hộ ông Nh và hộ ông P không yêu cầu các nguyên đơn bồi thường chi phí nên không xét đến.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, hộ ông Nh và hộ ông P vẫn đồng ý tiếp tục cho các nguyên đơn đi trên lối đi có diện tích 4,7m² tại thửa 250a, 306a (14), các nguyên đơn vẫn còn lối đi để lưu thông ra đường đi công cộng, do đó yêu cầu mở rộng lối đi của các nguyên đơn là không có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc hộ ông Nh mở rộng lối đi diện tích 2,9m² tại thửa 306b (14).

[5] *Về chi phí đo đạc, định giá và các chi phí khác:*

Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn không được xem xét và chấp nhận nên các nguyên đơn phải chịu chi phí đo đạc, định giá và các chi phí khác theo quy định tại Điều 157; 165 Bộ luật tố tụng dân sự là 1.254.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn đồng), các nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này.

[6] *Ý kiến của kiểm sát viên:*

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ vào các Điều 144; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của các nguyên đơn không được xem xét chấp nhận nên phải liên đới chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 189, 190, 191, 254 Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 166, 171, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Các Điều 144, 147, 157, 165, 217, 227, 271, 373 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Văn Th, bà Trương Thị Ph, chị Trương Nghi X, anh Nguyễn Trần Phan Đ về việc yêu cầu hộ ông Thạch Văn Nh mở lối đi có diện tích 2,74m².

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Văn Th, bà Trương Thị Ph, chị Trương Nghi X, anh Nguyễn Trần Phan Đ về yêu cầu quyền về lối đi qua đối với hộ ông Thạch Văn Nh có diện tích 2,9m² tại thửa 306b tờ bản đồ số 14 tại phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

3. Ghi nhận hộ ông Thạch Văn Nh đồng ý mở lối đi cho ông Thạch Văn Th, bà Trương Thị Ph, chị Trương Nghi X, anh Nguyễn Trần Phan Đ có diện tích là 1,8m² thuộc thửa 306a (14) được thể hiện tại các điểm: 1, 2, 3, 7, 1.

Ghi nhận hộ ông Thạch Văn P đồng ý mở lối đi cho ông Thạch Văn Th, bà Trương Thị Ph, chị Trương Nghi X, anh Nguyễn Trần Phan Đ có diện tích là 2,9m² thuộc thửa 250a (14) được thể hiện tại các điểm: 3, 4, 8, 6, 7, 3.

Ông Thạch Văn Th, bà Trương Thị Ph, chị Trương Nghi X, anh Nguyễn Trần Phan Đ được tiếp tục đi trên lối đi có diện tích 4,7m² theo vị trí các điểm 1, 2, 3, 4, 8, 6, 7, 1 thuộc thửa 250a (14), 306a (14) mà hộ ông Nh và hộ ông P cho đi.

Ghi nhận hộ ông Thạch Văn P và hộ ông Thạch Văn Nh không yêu cầu ông Thạch Văn Th, bà Trương Thị Ph, chị Trương Nghi X, anh Nguyễn Trần Phan Đ bồi thường chi phí mở lối đi.

(Kèm theo hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án ngày 17/10/2019).

4. Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn đã nộp xong số tiền chi phí tố tụng là 1.254.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thạch Văn Th, bà Trương Thị Ph, chị Trương Nghi X, anh Nguyễn Trần Phan Đ phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005179 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, các nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh (Phòng GDKT);
- VKSND Tp. BT;
- Cơ quan THADS Tp. BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Châu

